

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 23 tháng 01 năm 2026 và sau khi thống nhất tại Hội nghị giao ban Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 03 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục đô thị loại II, loại III và danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng;
- Đảng ủy và HĐND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục I

**DANH MỤC ĐÔ THỊ LOẠI II, LOẠI III
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Trước chuyển tiếp			Sau chuyển tiếp		
	Tên đô thị	Loại đô thị	Văn bản công nhận loại đô thị / thành lập thị trấn	Tên đô thị	Phạm vi đô thị (*)	Loại đô thị
1	Thành phố Hoa Lư	Loại I	Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 05/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Đô thị Hoa Lư	- Các phường: Hoa Lư, Nam Hoa Lư; - Một phần các phường: Đông Hoa Lư, Tây Hoa Lư	Loại II
2	Thành phố Nam Định	Loại II	Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 05/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Đô thị Nam Định	- Các phường: Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Mỹ Lộc; - Một phần các phường: Thành Nam, Trường Thi, Hồng Quang, Vị Khê	Loại II
3	Thành phố Phủ Lý	Loại II	Công văn số 1026/TTg-CN ngày 28/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Đô thị Phủ Lý	- Các phường: Phủ Lý, Phù Vân, Liêm Tuyền; - Một phần các phường: Châu Sơn, Hà Nam	Loại II
4	Thành phố Tam Điệp	Loại III	Quyết định số 708/QĐ-BXD ngày 31/7/2012 của Bộ Xây dựng	Đô thị Tam Điệp	- Các phường: Tam Điệp, Trung Sơn; - Một phần các phường: Yên Thắng, Yên Sơn	Loại II
5	Thị xã Duy Tiên	Loại IV	Quyết định số 1358/QĐ-BXD ngày 29/12/2017 của Bộ Xây dựng	Đô thị Duy Tiên	- Các phường: Duy Hà, Đồng Văn, Tiên Sơn, Duy Tiên, Duy Tân - Một phần phường Hà Nam	Loại III
6	Thị xã Kim Bảng	Loại IV	Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023 của Bộ Xây dựng	Đô thị Kim Bảng	Các phường: Kim Bảng, Lý Thường Kiệt, Lê Hồ, Nguyễn Úy, Kim Thanh, Tam Chúc	Loại III

TT	Trước chuyển tiếp			Sau chuyển tiếp		
	Tên đô thị	Loại đô thị	Văn bản công nhận loại đô thị / thành lập thị trấn	Tên đô thị	Phạm vi đô thị (*)	Loại đô thị
7	Thị trấn Thịnh Long	Loại IV	Quyết định số 1448/QĐ-BXD ngày 10/12/2014 của Bộ Xây dựng	Đô thị Thịnh Long	Một phần xã Hải Thịnh	Loại III
8	Thị trấn Giao Thủy	Loại V	Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ)	Đô thị Giao Thủy	Một phần xã Giao Thủy	Loại III
9	Thị trấn Quất Lâm	Loại V	Nghị định số 137/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ	Đô thị Quất Lâm	Một phần xã Giao Ninh	Loại III
10	Thị trấn Cổ Lễ	Loại V	Quyết định số 2-HĐBT ngày 10/1/1984 của Hội đồng Bộ trưởng	Đô thị Cổ Lễ	Một phần xã Cổ Lễ	Loại III
11	Thị trấn Cát Thành	Loại V	Nghị định số 34/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006 của Chính phủ	Đô thị Cát Thành	Một phần xã Cát Thành	Loại III
12	Thị trấn Ninh Cường	Loại V	Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ); Nghị quyết số 460/NQ-UBTVQH14 ngày 13/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Đô thị Ninh Cường	Một phần xã Ninh Cường	Loại III
13	Thị trấn Nam Giang	Loại V	Nghị định số 137/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ	Đô thị Nam Giang	Một phần xã Nam Trực	Loại III
14	Thị trấn Liễu Đề	Loại V	Quyết định số 26-HĐBT ngày 13/2/1987 của Hội đồng Bộ trưởng	Đô thị Liễu Đề	Một phần xã Nghĩa Hưng	Loại III

TT	Trước chuyển tiếp			Sau chuyển tiếp		
	Tên đô thị	Loại đô thị	Văn bản công nhận loại đô thị / thành lập thị trấn	Tên đô thị	Phạm vi đô thị (*)	Loại đô thị
15	Thị trấn Quỹ Nhất	Loại V	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ)	Đô thị Quỹ Nhất	Một phần xã Quỹ Nhất	Loại III
16	Thị trấn Rạng Đông	Loại V	Quyết định số 26-HĐBT ngày 13/2/1987 của Hội đồng Bộ trưởng	Đô thị Rạng Đông	Một phần xã Rạng Đông	Loại III
17	Thị trấn Gôi	Loại V	Quyết định số 34-HĐBT ngày 01/4/1986 của Hội đồng Bộ trưởng	Đô thị Gôi	Một phần xã Vụ Bản	Loại III
18	Thị trấn Yên Định	Loại V	Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ)	Đô thị Yên Định	Một phần xã Hải Hậu	Loại III
19	Thị trấn Cồn	Loại V	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ)	Đô thị Cồn	Một phần xã Hải Tiến	Loại III
20	Thị trấn Lâm	Loại V	Nghị quyết số 858/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Đô thị Lâm	Một phần xã Ý Yên	Loại III
21	Thị trấn Xuân Trường	Loại V	Nghị định số 137/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ	Đô thị Xuân Trường	Một phần xã Xuân Trường	Loại III

TT	Trước chuyển tiếp			Sau chuyển tiếp		
	Tên đô thị	Loại đô thị	Văn bản công nhận loại đô thị / thành lập thị trấn	Tên đô thị	Phạm vi đô thị (*)	Loại đô thị
22	Thị trấn Nho Quan	Loại V	Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Nho Quan	Một phần xã Nho Quan	Loại III
23	Thị trấn Bình Minh	Loại V	Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Bình Minh	Một phần xã Bình Minh	Loại III
24	Thị trấn Phát Diệm	Loại V	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Phát Diệm	Một phần xã Phát Diệm	Loại III
25	Thị trấn Thịnh Vượng	Loại V	Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Thịnh Vượng	Một phần xã Gia Viễn	Loại III
26	Thị trấn Yên Thịnh	Loại V	Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Yên Thịnh	Một phần xã Yên Mô	Loại III
27	Thị trấn Yên Ninh	Loại V	Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 24/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Yên Ninh	Một phần xã Yên Khánh	Loại III
28	Đô thị Gián Khẩu	Loại V	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ)	Đô thị Gián Khẩu	Một phần các xã: Gia Trán, Gia Vân	Loại III

TT	Trước chuyển tiếp			Sau chuyển tiếp		
	Tên đô thị	Loại đô thị	Văn bản công nhận loại đô thị / thành lập thị trấn	Tên đô thị	Phạm vi đô thị (*)	Loại đô thị
29	Thị trấn Kiện Khê	Loại V	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Kiện Khê	Một phần phường Châu Sơn	Loại III
30	Thị trấn Vĩnh Trụ	Loại V	Nghị quyết số 829/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Đô thị Vĩnh Trụ	Một phần xã Vĩnh Trụ	Loại III
31	Thị trấn Tân Thanh	Loại V	Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Tân Thanh	Một phần xã Tân Thanh	Loại III
32	Thị trấn Bình Mỹ	Loại V	Nghị quyết số 829/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Đô thị Bình Mỹ	Một phần xã Bình Mỹ	Loại III
33	Đô thị Chợ Sông	Loại V	Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Chợ Sông	Một phần xã Bình Lục	Loại III
34	Đô thị Tiêu Động	Loại V	Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Tiêu Động	Một phần xã Bình Sơn	Loại III
35	Đô thị An Lão	Loại V	Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị An Lão	Một phần xã Bình Sơn	Loại III

TT	Trước chuyển tiếp			Sau chuyển tiếp		
	Tên đô thị	Loại đô thị	Văn bản công nhận loại đô thị / thành lập thị trấn	Tên đô thị	Phạm vi đô thị (*)	Loại đô thị
36	Đô thị Nhân Mỹ	Loại V	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Nhân Mỹ	Một phần xã Nhân Hà	Loại III
37	Đô thị Nhân Hậu	Loại V	Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Nhân Hậu	Một phần xã Nam Lý	Loại III
38	Đô thị Phố Cà	Loại V	Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ)	Đô thị Phố Cà	Một phần xã Thanh Liêm	Loại III

Ghi chú: (*) Phạm vi đô thị sau chuyển tiếp trùng với phạm vi đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị (hoặc thành lập/điều chỉnh địa giới thị trấn).

Phụ lục II
DANH MỤC PHƯỜNG ĐẠT TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRONG ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Trước chuyển tiếp (**)		Sau chuyển tiếp	
	Tên phường / xã	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị
1	Phường Châu Cầu, phường Thanh Châu, phường Liêm Chính, một phần phường Quang Trung (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	Loại II	Phường Phủ Lý	Loại II
2	Phường Ninh Giang (<i>thành phố Hoa Lư</i>)	Loại I	Phường Tây Hoa Lư	Loại III
	Xã Trường Yên, xã Ninh Hòa (<i>thành phố Hoa Lư</i>); xã Phúc Sơn (<i>huyện Nho Quan</i>); xã Gia Sinh (<i>huyện Gia Viễn</i>), một phần xã Gia Tân (<i>huyện Gia Viễn</i>)	-		
3	Phường Ninh Mỹ, phường Ninh Khánh, phường Đông Thành, phường Tân Thành, phường Vân Giang, phường Nam Thành, phường Nam Bình, phường Bích Đào (<i>thành phố Hoa Lư</i>)	Loại I	Phường Hoa Lư	Loại III
	Xã Ninh Khang, xã Ninh Nhất, xã Ninh Tiến (<i>thành phố Hoa Lư</i>)	-		
4	Phường Ninh Phong, phường Ninh Sơn (<i>thành phố Hoa Lư</i>)	Loại I	Phường Nam Hoa Lư	Loại III
	Xã Ninh An, xã Ninh Vân, xã Ninh Hải (<i>thành phố Hoa Lư</i>)	-		
5	Phường Ninh Phúc (<i>thành phố Hoa Lư</i>)	Loại I	Phường Đông Hoa Lư	Loại III
	Xã Khánh Hòa, xã Khánh Phú, xã Khánh An (<i>huyện Yên Khánh</i>)	-		

STT	Trước chuyển tiếp (**)		Sau chuyển tiếp	
	Tên phường / xã	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị
6	Phường Lộc Vượng, Phường Vị Xuyên, phường Trần Hưng Đạo, phường Quang Trung, phường Cửa Bắc, phường Năng Tĩnh, phường Cửa Nam (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Nam Định	Loại III
	Xã Mỹ Phúc (<i>thành phố Nam Định</i>)	-		
7	Phường Lộc Hạ (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Thiên Trường	Loại III
	Xã Mỹ Tân, xã Mỹ Trung (<i>thành phố Nam Định</i>)	-		
8	Phường Lộc Hòa (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Đông A	Loại III
	Xã Mỹ Thắng, xã Mỹ Hà (<i>thành phố Nam Định</i>)	-		
9	Phường Nam Phong (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Vị Khê	Loại III
	Xã Nam Điền (<i>huyện Nam Trực</i>)	-		
10	Phường Mỹ Xá (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Thành Nam	Loại III
	Xã Đại An (<i>huyện Vụ Bản</i>)	-		
11	Phường Trường Thi (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Trường Thi	Loại III
	Xã Thành Lợi (<i>huyện Vụ Bản</i>)	-		
12	Phường Nam Vân (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Hồng Quang	Loại III
	Xã Nghĩa An, xã Hồng Quang (<i>huyện Nam Trực</i>)	-		
13	Phường Hưng Lộc (<i>thành phố Nam Định</i>)	Loại II	Phường Mỹ Lộc	Loại III
	Xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Lộc (<i>thành phố Nam Định</i>)	-		
14	Phường Bắc Sơn, phường Tây Sơn (<i>thành phố Tam Điệp</i>)	Loại III	Phường Tam Điệp	Loại III
	Xã Quang Sơn (<i>thành phố Tam Điệp</i>)	-		

STT	Trước chuyển tiếp (**)		Sau chuyển tiếp	
	Tên phường / xã	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị
15	Phường Tân Bình (<i>thành phố Tam Điệp</i>)	Loại III	Phường Yên Sơn	Loại III
	Xã Yên Sơn (<i>thành phố Tam Điệp</i>); xã Quảng Lạc (<i>huyện Nho Quan</i>)	-		
16	Phường Nam Sơn, phường Trung Sơn (<i>thành phố Tam Điệp</i>)	Loại III	Phường Trung Sơn	Loại III
	Xã Đông Sơn (<i>thành phố Tam Điệp</i>)	-		
17	Phường Yên Bình (<i>thành phố Tam Điệp</i>)	Loại III	Phường Yên Thắng	Loại III
	Xã Khánh Thượng, xã Yên Thắng (<i>huyện Yên Mô</i>)	-		
18	Phường Lam Hạ, một phần phường Quang Trung, phường Tân Hiệp (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	Loại II	Phường Hà Nam	Loại III
	Một phần phường Hoàng Đông, một phần phường Tiên Nội (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	Loại IV		
	Một phần xã Tiên Ngoại (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	-		
19	Phường Lê Hồng Phong (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	Loại II	Phường Phù Vân	Loại III
	Xã Kim Bình, xã Phù Vân (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	-		
20	Phường Châu Sơn, phường Thanh Tuyền (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	Loại II	Phường Châu Sơn	Loại III
	Thị trấn Kiện Khê (<i>huyện Thanh Liêm</i>)	Loại IV		
21	Phường Tân Liêm (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	Loại II	Phường Liêm Tuyền	Loại III
	Xã Đình Xá, xã Trịnh Xá (<i>thành phố Phủ Lý</i>)	-		
22	Một phần phường Hoà Mạc (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	Loại IV	Phường Duy Tiên	Loại III
	Xã Chuyên Ngoại, xã Trác Văn, xã Yên Nam (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	-		

STT	Trước chuyển tiếp (**)		Sau chuyển tiếp	
	Tên phường / xã	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị
23	Phường Châu Giang, một phần phường Hoà Mạc (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	Loại IV	Phường Duy Tân	Loại III
	Xã Mộc Hoàn (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	-		
24	Phường Bạch Thượng, phường Yên Bắc, phường Đồng Văn (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	Loại IV	Phường Đồng Văn	Loại III
25	Phường Duy Minh, phường Duy Hải, một phần phường Hoàng Đông (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	Loại IV	Phường Duy Hà	Loại III
26	Một phần phường Tiên Nội (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	Loại IV	Phường Tiên Sơn	Loại III
	Xã Tiên Sơn, một phần xã Tiên Ngoại (<i>thị xã Duy Tiên</i>)	-		
27	Phường Đại Cương; phường Lê Hồ, phường Đồng Hoá (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	Loại IV	Phường Lê Hồ	Loại III
28	Phường Tượng Lĩnh, phường Tân Sơn (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	Loại IV	Phường Nguyễn Úy	Loại III
	Xã Nguyễn Úy (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	-		
29	Phường Thi Sơn (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	Loại IV	Phường Lý Thường Kiệt	Loại III
	Xã Liên Sơn, xã Thanh Sơn (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	-		
30	Phường Tân Tựu (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	Loại IV	Phường Kim Thanh	Loại III
	Xã Hoàng Tây (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	-		
31	Phường Ba Sao (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	Loại IV	Phường Tam Chúc	Loại III
	Xã Khả Phong, xã Thuy Lôi (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	-		
32	Phường Quế, phường Ngọc Sơn (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	Loại IV	Phường Kim Bảng	Loại III
	Xã Văn Xá (<i>thị xã Kim Bảng</i>)	-		

Ghi chú: (**) Tên gọi và mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của phường được cấp có thẩm quyền công nhận xác định đến trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025./.